

Bản án số: 51/2025/DS-ST

Ngày: 30-7-2025

V/v: “Tranh chấp về hợp đồng
cầm cố tài sản và kiện đòi tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Hoàng Giang

Bà Nguyễn Hồng Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 134/2025/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản và kiện đòi tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2025/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 7 năm 2025. Giữa:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần S1 Có Ngay (gọi tắt là Công ty)

Địa chỉ: A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An

-Người đại diện theo pháp luật: Ông Kanokwatpaisal N - Chức vụ: Giám đốc.

-Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn S - sinh năm: 1985. (Có mặt)

Địa chỉ: Số A M, khu phố C, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

-Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 01/01/1989. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Nay là ấp T, xã T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của Công ty S1 Có Ngay trình bày:

Ngày 08/8/2024, Công ty cổ phần S1 có ký hợp đồng cầm cố tài sản số KGM240801006NA22X ngày 08/8/2024 với anh Nguyễn Văn Đ, nội dung thỏa thuận ông Đ cầm cố chiếc xe suzuki, Satria F150, màu xanh đen, số khung MH8DL11ANNJ118773, số máy CGA1619104, giá trị cầm cố là 23.031.914 đồng. Thời hạn cầm cố là 01 năm từ ngày 08/8/2024 đến ngày 08/8/2025, khách hàng phải trả cho công ty A kỳ, bắt đầu từ ngày 08/9/2024, mỗi kỳ trả 2.702.000

đồng. Lãi suất thỏa thuận là 1,1%/tháng, phí bảo dưỡng và hao mòn xe (hay còn gọi là phí thuê xe) là 1.243.000 đồng x 12 tháng = 14.924.681 đồng và phí phạt trễ hạn là 6.909.575 đồng.

Theo đơn khởi kiện Công ty yêu cầu anh Đ phải trả các khoản bao gồm: Nợ gốc là 23.031.915 đồng, lãi trong hạn 878.284 đồng và lãi quá hạn là 439.142 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe là 4.311.578 đồng và phí phạt vi phạm nợ quá hạn 662.919 đồng. Đồng thời yêu cầu anh Đ trả lại xe mô tô cầm cố biển kiểm soát là 68KA-096.50.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Công ty xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về một phần nợ gốc và các phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe là 4.311.578 đồng và phí phạt vi phạm nợ quá hạn 662.919 đồng và xin rút yêu cầu khởi kiện về việc trả lại xe mô tô cầm cố biển kiểm soát là 68KA-096.50. Công ty yêu cầu anh Đ phải trả các khoản tạm tính đến ngày 30/7/2025, bao gồm:

Tiền gốc còn lại là 17.049.422 đồng và tiền lãi trong hạn từ ngày 08/8/2024 đến ngày 30/7/2025 đồng, mức lãi suất 1.1%/tháng nhưng chỉ yêu cầu trả tổng tiền lãi là 2.200.510 đồng. Tổng cộng là 19.249.900 đồng. Ngoài ra, anh Đ còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử theo mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận tại hợp đồng cầm cố tài sản đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ cho phía Công ty S1 Có Ngay.

Tại phiên hòa giải ngày 26/6/2025, bị đơn - anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh Đ thừa nhận có thỏa thuận cầm cố theo lời trình bày của đại diện Công ty. Hợp đồng do Công ty cung cấp cho Tòa án đúng là chữ ký và chữ viết tên của anh Đ nhưng khi ký hợp đồng thì số tiền gốc anh Đ thực nhận là 21.500.000 đồng. Ngoài ra các khoản thuê xe, phí hao mòn và tiền lãi thì anh Đ đều không rõ. Nhân viên Công ty có báo với anh Đ là phải góp mỗi tháng là 2.702.000 đồng, góp trong 12 tháng nhưng do kinh tế khó khăn anh chưa trả nợ lần nào. Anh Đ thừa nhận số tiền gốc còn nợ là 21.500.000 đồng. Anh Đ trực tiếp quản lý sử dụng tài sản chiếc xe suzuki, Satria F150; màu xanh đen, số khung MH8DL11ANNJ118773; số máy CGA1619104 và hiện xe đã bị cơ quan cảnh sát giao thông tạm giữ do anh vi phạm luật giao thông. Nay hoàn cảnh anh Đ rất khó khăn không thể thanh toán nợ cho công ty ngay, anh Đ yêu cầu được thanh toán số tiền gốc là 21.500.000 đồng trong thời hạn 03 năm. Các khoản tiền lãi và phí anh Đ đều không đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Công ty cổ phần S1 khởi kiện anh Nguyễn Văn Đ về việc buộc thực hiện nghĩa vụ trả tiền cầm cố tài sản theo hợp đồng đã ký kết nên đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, anh Nguyễn Văn Đ có địa chỉ cư trú tại huyện G nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân huyện Giồng

Riêng, nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục.

Anh Nguyễn Văn Đ với tư cách là bị đơn đã được Tòa án cấp, tổng đạt văn bản tố tụng, anh Đ đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Đ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ngày 08/8/2024, Công ty có ký hợp đồng cầm cố tài sản số KGM240801006NA22X với anh Nguyễn Văn Đ, nội dung thỏa thuận ông Đ cầm cố chiếc xe suzuki, Satria F150, màu xanh đen, số khung MH8DL11ANNJ118773, số máy CGA1619104, giá trị cầm cố là 23.031.914 đồng. Thời hạn cầm cố là 01 năm từ ngày 08/8/2024 đến ngày 08/8/2025, khách hàng phải trả nợ gốc và lãi cho công ty A kỳ, bắt đầu từ ngày 08/9/2024, mỗi kỳ trả số tiền 2.702.000 đồng. Lãi suất thỏa thuận là 1,1%/tháng.

Xét thấy hợp đồng cầm cố tài sản được ký kết ngày 08/8/2024 giữa các bên trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật và trái đạo đức xã hội. Hình thức của hợp đồng đảm bảo đúng theo pháp luật quy định, nội dung thỏa thuận các điều khoản trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật nên hợp đồng cầm cố tài sản trên được xem là hợp pháp.

Theo các tài liệu chứng cứ do Công ty cung cấp thể hiện khoản tiền gốc mà anh Đ đã nhận là 23.031.914 đồng. Tại hợp đồng cầm cố tài sản đã ký kết thể hiện phương thức thanh toán lãi phát sinh từng kỳ nhưng anh Đ đã vi phạm nghĩa vụ sau thời điểm giải ngân số tiền gốc trên.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ thừa nhận việc đã giao kết hợp đồng cầm cố với Công ty và thừa nhận việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Đồng thời anh Đ cũng không có yêu cầu phản tố. Theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự những tình tiết, sự kiện đã được *“một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận chuyên môn của bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*.

Do anh Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên tại phiên tòa Công ty yêu cầu anh Đ trả số nợ gốc còn nợ là 17.049.422 đồng. Tiền lãi trong hạn từ ngày 08/8/2024 đến ngày 30/7/2025 đồng, mức lãi suất 1.1%/tháng nhưng chỉ yêu cầu trả tổng tiền lãi là 2.200.510 đồng. Tổng cộng là 19.249.900 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 11; Điều 309, Điều 310, Điều 311, Điều 312, Điều 313, Điều 314 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Việc anh Đ yêu cầu trả dần do hoàn cảnh gia đình khó khăn sẽ được xem xét giải quyết trong quá trình thi hành án.

[2.2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Công ty rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với anh Đ về việc trả một phần nợ gốc và các phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe là 4.311.578 đồng và phí phạt vi phạm nợ quá hạn 662.919 đồng và rút yêu cầu buộc anh Đ phải giao trả tài sản chiếc xe suzuki, biển kiểm soát là 68KA-096.50 Satria F150, màu xanh đen, số khung MH8DL11ANNJ118773, số máy CGA1619104. Xét thấy việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của

pháp luật nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Do yêu cầu khởi kiện của Công ty S1 Có Ngay được chấp nhận một phần và đình chỉ xét xử một phần do tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện nên hoàn trả lại cho Công ty số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 733.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013220 ngày 24/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Buộc anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 19.249.900 đồng x 5% là 962.495 đồng, làm tròn 962.500 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 11, Điều 309, Điều 310, Điều 311, Điều 312, Điều 313, Điều 314 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S1 đối với anh Nguyễn Văn Đ về việc tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản và kiện đòi tài sản.

2. Buộc anh Nguyễn Văn Đ trả cho Công ty cổ phần S1 Có Ngay số tiền nợ gốc còn thiếu là 17.049.422 đồng. Tiền lãi trong hạn từ ngày 08/8/2024 đến ngày 30/7/2025 đồng là 2.200.510 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 19.249.900 đồng (*Mười chín triệu, hai trăm bốn mươi chín nghìn, chín trăm đồng*)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (01/8/2025), anh Nguyễn Văn Đ còn phải tiếp tục trả khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn đã được các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố tài sản số KGM240801006NA22X ngày 08/8/2024.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty S1 Có Ngay về việc yêu cầu khởi kiện đối với anh Đ về việc trả một phần nợ gốc và các phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe là 4.311.578 đồng và phí phạt vi phạm nợ quá hạn 662.919 đồng và yêu cầu anh Đ phải giao trả tài sản chiếc xe suzuki, biển kiểm soát là 68KA-096.50 Satria F150, màu xanh đen, số khung MH8DL11ANNJ118773, số máy CGA1619104.

4. Về án phí:

Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần S1 Có Ngay tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 733.000 đồng (*Bảy trăm, ba mươi ba nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0013220 ngày 24/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Buộc anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 19.249.900 đồng x 5% là 962.495 đồng, làm tròn 962.500 đồng (*Chín trăm sáu mươi hai nghìn, năm trăm đồng*)

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (mười lăm) ngày, Công ty cổ phần S1 Có Ngay được tính kể từ ngày tuyên án (Ngày 30/7/2025). Anh Nguyễn Văn Đ được tính kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc án bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 7d và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND KV5-AG;
- Phòng THADS KV5-AG;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Nguyễn Thúy An